

Quản trị trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, vận dụng kiến thức trong thời kì cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: nguyenhuong@vnu.edu.vn

TÓM TẮT: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cuộc cách mạng dựa trên xu hướng phát triển của một nền tảng tích hợp cao về kết nối kĩ thuật số và công nghệ thông tin đã mang lại nhiều cơ hội cho Việt Nam trong phát triển kinh tế xã hội nói chung và giáo dục nói riêng. Để tận dụng lợi thế của xu hướng này, nền giáo dục Việt Nam cần phải thay đổi toàn diện và căn bản, trong đó cần quan tâm đến quản trị trường học. Bài viết bàn về vấn đề quản trị trường học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, vận dụng kiến thức trong thời kì cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Bài viết trình bày tổng quan về giáo dục trong giai đoạn hiện nay; tìm hiểu thách thức đặt ra đối với hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Ngoài ra, bài báo cũng đưa ra một số giải pháp để phát triển hệ thống, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông ở nước ta hiện nay.

TỪ KHÓA: Quản trị trường học; đổi mới giáo dục phổ thông; Cách mạng công nghiệp 4.0.

→ Nhận bài 12/3/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 25/3/2019 → Duyệt đăng 25/4/2019.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang đứng trước cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, hay còn gọi là cách mạng sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu mang tính chất đột phá với nền tảng là các ứng dụng của công nghệ số. Cuộc cách mạng này mang đến ảnh hưởng sâu sắc đối với nền kinh tế, xã hội toàn cầu, trong đó có nền giáo dục (GD) tại mỗi quốc gia. Trước bối cảnh đó, đã đặt ra những vấn đề cấp thiết cho GD, đòi hỏi Việt Nam cần có những chiến lược, giải pháp nhằm đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và đào tạo; đáp ứng những yêu cầu mới về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ xây dựng và phát triển đất nước, tiên phong và dẫn dắt quá trình đổi mới, sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế tri thức toàn cầu; từ đó góp phần thúc đẩy năng lực cạnh tranh và sự thịnh vượng quốc gia. Nếu như GD được coi là nền tảng cơ bản để chuẩn bị những hành trang cần thiết cho người học tự tin bước vào cuộc sống, thì nhà trường cần trang bị những kĩ năng và kiến thức cần thiết cho họ, không chỉ cho hiện tại mà còn cả trong tương lai. Việc tiếp nhận, thay đổi để thích ứng và theo kịp những ảnh hưởng của cuộc CMCN 4.0 đang đặt ra cho ngành GD nói chung, trong đó hệ thống GD trung học phổ thông nói riêng những vấn đề mang tính tất yếu và cấp thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quản trị trường học

Quản trị trường học được hiểu là quá trình thiết lập các quy tắc, hệ thống nhằm vận hành và kiểm tra, giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nhà trường; đồng thời là những

phương pháp, cách thức để những người lãnh đạo có thẩm quyền thực hiện việc hướng dẫn, giám sát các mục tiêu, giá trị, phương hướng hoạt động của nhà trường thông qua các chính sách, hệ thống luật pháp, phương pháp và quy trình thực hiện. Quản trị trường học bao hàm các hoạt động như: 1/ Quản trị chiến lược; 2/ Quản trị hệ thống tổ chức; 3/ Quản trị nhân lực; 4/ Quản trị các hoạt động GD và đào tạo, tài chính, cơ sở vật chất, khoa học - công nghệ và phục vụ cộng đồng.

2.2. Giáo dục và đào tạo trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0

2.2.1. Bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

CMCN 4.0 là khái niệm được trình bày lần đầu tiên vào năm 2011 tại Đức, giới thiệu các sáng kiến của chương trình công nghiệp thế hệ mới, nhằm mục đích nâng cao nền công nghiệp cơ khí truyền thống của Đức.

Lịch sử thế giới ghi nhận trước đây có 3 cuộc CMCN chính thức, đã làm thay đổi toàn bộ nền sản xuất cũng như các điều kiện kinh tế - xã hội. CMCN lần thứ nhất được đánh dấu bằng sự thay đổi từ sản xuất chân tay đến sản xuất cơ khí từ những phát minh ra động cơ hơi nước. Cuộc cách mạng thứ hai với sự xuất hiện của điện năng đã thay đổi nền sản xuất từ đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt thông qua máy móc chạy bằng năng lượng điện và lần thứ ba là sự ra đời của nền sản xuất công nghiệp tự động dựa trên sự bùng nổ của khoa học máy tính, thiết bị điện tử và hệ thống internet. CMCN lần thứ tư hay CMCN 4.0 là xu hướng của tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Bản chất của cuộc CMCN 4.0 là dựa trên những nền tảng công nghệ kĩ thuật số và tích hợp tất cả các ứng dụng thông minh để từ

đó tối ưu hóa toàn bộ các quy trình, phương thức sản xuất (Schwab, 2016). Điểm khác biệt giữa CMCN 4.0 với ba cuộc cách mạng trước đó là CMCN 4.0 không gắn liền với sự ra đời của bất kỳ một loại công nghệ cụ thể nào mà nó là kết quả hội tụ của nhiều công nghệ khác nhau, trong đó trọng tâm là công nghệ ứng dụng nano, công nghệ sinh học và công nghệ thông tin - truyền thông.

2.2.2. Đặc trưng về giáo dục và đào tạo trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0

GD trong thời đại CMCN 4.0 được hiểu là một mô hình GD thông minh, trong đó hình thành một liên kết chủ yếu giữa các yếu tố bao gồm: Nhà trường - nhà quản lý - nhà doanh nghiệp, từ đó tạo ra những điều kiện cho việc đổi mới, sáng tạo và tăng năng suất lao động trong một xã hội tri thức (FICCI, 2017).

Ngoài ra, GD 4.0 cũng giúp hình thành những phương pháp tư duy và cách tiếp cận mới về mô hình học tập, tạo nên một môi trường mà ở đó mọi người có thể cùng dạy học ở mọi lúc, mọi nơi với trang bị bao gồm các thiết bị kết nối để cá thể hóa việc học tập. Môi trường học tập mới này sẽ biến đổi các tổ chức GD thành những môi trường tạo nên sản phẩm sáng tạo mang tính cá thể với thành tựu của riêng từng cá nhân khi lĩnh hội kiến thức và phát huy năng lực đổi mới, sáng tạo (Abdelrazeq, Janssen, Tummel, Richert, Jeschke, 2016). Có thể nói sự sáng tạo, đổi mới chính là nền tảng của GD 4.0. Các yếu tố trong môi trường mới này linh động và có mối liên quan mật thiết. Việc sắp xếp các yếu tố khác nhau trong cùng hệ sinh thái hướng tới mục tiêu GD là vô cùng quan trọng và mang tính cấp thiết trong thời đại hiện nay.

2.2.3. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với phương pháp dạy học hiện nay

a. Những tác động tích cực

- **Đối với học sinh (HS):** Việt Nam là một trong những quốc gia có sự phát triển mạnh mẽ về nguồn lực công nghệ thông tin, hệ thống mạng internet. Việc truy cập internet hiện nay đã trở nên rất phổ biến đối với tất cả mọi người. Đây là điều kiện đơn giản nhất để tiếp cận với nguồn dữ liệu thông tin khổng lồ trên thế giới và là điều kiện vô cùng thuận lợi cho sự nghiệp GD tại các trường trung học phổ thông ở Việt Nam hiện nay. Thông qua các thiết bị có kết nối internet như: Máy tính, điện thoại di động thông minh... HS có thể dễ dàng tra cứu, tìm kiếm những kiến thức, thông tin cần có để tự nghiên cứu và tìm hiểu dưới sự chỉ dẫn của GV và từ đó hoàn thành được mục tiêu GD của mình. Ngoài ra, bên cạnh kho kiến thức vô cùng rộng lớn đó, HS cũng có thể tham khảo thêm được những tài liệu bằng các ngôn ngữ khác nhau trên thế giới để từ đó có thêm những góc nhìn sâu sắc, quan điểm đa chiều về những vấn đề cần quan tâm. Điều này sẽ hình thành nên kỹ năng tìm kiếm và chọn lọc các thông tin, xây dựng kỹ năng tư duy phản biện ở mỗi HS.

Mặt khác, xu thế của cuộc CMCN 4.0 hiện nay đòi hỏi HS phải là người chủ động, tích cực trong học tập và rèn luyện bản thân, tự chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động

của mình. HS có thể học tập, thu nạp kiến thức bằng những phương pháp mở rộng, tự do, sáng tạo và linh hoạt, chủ động hoạt động học tập ở bất cứ khi nào, bất kỳ nơi đâu, như vậy sẽ thúc đẩy sự sáng tạo và kích thích trí tưởng tượng của HS hơn là việc học thuộc lòng để “trả bài” một cách hình thức như trước đây. Việc xây dựng một phương pháp học tập mới phù hợp với các điều kiện của xã hội hiện đại là cách để người học tiếp cận nhiều hơn với tri thức khoa học nhân loại trong cùng một thời gian học tập, nghiên cứu.

- **Đối với giáo viên (GV):** GV tại các trường trung học phổ thông ở Việt Nam hiện nay nhận được nhiều điều kiện thuận lợi mà cuộc CMCN 4.0 đã và đang đem lại, đặc biệt phương pháp dạy học được đổi mới theo hướng hiện đại, bắt kịp với sự phát triển của khu vực và trên thế giới. Đầu tiên, nhờ có sự tiến bộ của hệ thống internet kết nối và dữ liệu khổng lồ đem lại nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy vô cùng đa dạng và phong phú giúp GV có cơ hội được tiếp cận với nhiều tài liệu trong và ngoài nước, từ đó phục vụ tốt cho việc xây dựng chương trình bài học. GV cũng có thể tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề phương pháp giảng dạy với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, làm đổi mới và phong phú thêm cách nhìn nhận cũng như tư duy của bản thân đối với môn học, giúp GV có thêm sự tự tin hơn trong công tác giảng dạy.

Ngoài ra, GV có thể vận dụng các phương pháp, phương tiện và kĩ thuật dạy học mới, hiện đại để áp dụng vào việc dạy học của mình. Với nhiều phương pháp, phần mềm giảng dạy hiện đại dần phổ biến hiện nay, GV có thêm nhiều sự lựa chọn đối với các phương tiện kĩ thuật phù hợp với công tác giảng dạy.

b. Những tác động tiêu cực

Bối cảnh của cuộc CMCN 4.0 đòi hỏi GV cần phải thường xuyên trao đổi, cập nhật các phương pháp dạy học mới, hiện đại để tránh sự nhàm chán trong quá trình dạy và học do sự xuất hiện của nhiều công cụ hỗ trợ giảng dạy. Ngoài ra, khi công nghệ càng phát triển và hiện đại hơn, nhiều GV có thể gặp phải tình trạng không bắt kịp và khó ứng dụng công nghệ vào trong việc giảng dạy làm cho hiệu quả chất lượng giảng dạy bị giảm sút. Ngoài ra, HS có thể gặp một số khó khăn trong tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng nguồn tài liệu phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Do đặc điểm là nguồn tài liệu “mở”, đa chiều, phong phú, vừa có khả năng giúp HS có thể sử dụng tốt các tài liệu nhưng cũng đem lại sự khó khăn cho HS trong việc lựa chọn tài liệu phù hợp khi học tập. Có nhiều nguồn tài liệu không chính thống, chưa được kiểm duyệt trên mạng internet bởi vậy, HS cần có sự hướng dẫn và định hướng rõ ràng từ GV để tiếp cận được những tài liệu khoa học, đúng đắn đã được kiểm duyệt khi sử dụng.

2.3. Thách thức đặt ra đối với hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam và quản trị trường học trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0

2.3.1. Quan điểm phát triển giáo dục phổ thông ở nước ta hiện nay
Thứ nhất, GD và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho

GD là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên trong các chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, mang tính cốt lõi và cấp thiết. Trong quá trình đổi mới, cần có tính kế thừa, phát huy những thành tựu đạt được, đồng thời phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm thành công của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc, sai với định hướng.

Thứ ba, phát triển hệ thống GD và đào tạo là góp phần nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhân tài cho đất nước. Chuyển đổi mạnh mẽ quá trình GD từ chủ yếu là tập trung trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện các kỹ năng, năng lực và phẩm chất của người học. Đẩy mạnh việc học đi đôi với hành; lí luận cần gắn với thực tiễn; mô hình GD nhà trường kết hợp với GD gia đình và GD xã hội.

Thứ tư, phát triển hệ thống GD và đào tạo phải gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; theo kịp với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp với quy luật khách quan của tự nhiên. Chuyển sự phát triển GD và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang tập trung chú trọng vào chất lượng và hiệu quả, đồng thời vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng.

Thứ năm, đổi mới hệ thống GD toàn diện theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức GD, đào tạo. Xây dựng mô hình GD và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Thứ sáu, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế để phát triển, nâng cao chất lượng GD và đào tạo, đồng thời đổi mới hệ thống GD và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng với quốc tế để phát triển đất nước.

2.3.2. Yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với giáo dục và đào tạo

Trong thời đại CMCN 4.0 hiện nay, các loại công nghệ xuất hiện và bị thay thế nhanh chóng dẫn đến sự hình thành của một số loại hình nghề nghiệp phi truyền thống. Đặc biệt, bên cạnh việc không những đe dọa đến cơ hội việc làm của người lao động có trình độ thấp mà xu thế này còn ảnh hưởng đến cả lực lượng lao động có trình độ cao nếu như họ không được trang bị những kỹ năng mới - kỹ năng sáng tạo cho nền kinh tế trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0. Đây là đặc điểm quan trọng không chỉ làm cơ sở định hướng cho việc thay đổi cách thức, phương pháp GD mà còn hướng đến mô hình “học tập suốt đời”, trở thành sợi dây bền chặt, kết nối xuyên suốt cho mọi kỹ năng làm việc trong thời kỳ CMCN 4.0.

Khung năng lực và kỹ năng làm việc được đưa ra tại diễn đàn Kinh tế T hế giới (WEF, 2016) bao gồm 3 nhóm chính, đó là: 1/ Năng lực cơ bản (năng lực nhận thức và năng lực thể chất); 2/ Kỹ năng cơ bản (kỹ năng nội dung và kỹ năng xử lý); 3/ Kỹ năng liên chức năng (kỹ năng xã hội, kỹ năng quản lý nguồn nhân lực, kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng hệ thống và kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp).

Hecklau, Galeizke, Flachs, Kohl (2016) trong nghiên cứu của mình cũng đã trình bày 4 nhóm kỹ năng mà người lao động cần đáp ứng trong thời kỳ công nghiệp 4.0, bao gồm: 1/ Nhóm năng lực kỹ thuật (kiến thức, kỹ năng kỹ thuật, thực hiện thao tác quy trình, lập trình, IT và đa phương tiện); 2/ Nhóm kỹ năng phương pháp (sáng tạo, sáng nghiệp, giải quyết vấn đề, mâu thuẫn, ra quyết định, phân tích, kỹ năng nghiên cứu và định hướng năng suất); 3/ Nhóm kỹ năng xã hội (giao tiếp, ngôn ngữ, mạng lưới hợp tác, chuyển giao kiến thức, lãnh đạo); 4/ Nhóm kỹ năng cá nhân (linh hoạt, kiên trì, vượt khó, động cơ làm việc, chịu đựng áp lực).

Trước những yêu cầu được nêu trên, vấn đề cần đặt ra hiện nay là đòi hỏi phải thay đổi một cách căn bản, định hướng phát triển hệ thống GD phổ thông và hình thành, xây dựng xã hội học tập với bản chất mới, trong đó cần tập trung vào một số vấn đề trọng tâm sau :

Thứ nhất, cần tiếp tục củng cố những yếu tố nền móng cơ bản, dần đổi mới tư duy về phát triển hệ thống GD trong tổng thể chiến lược phát triển chung của quốc gia. Mục tiêu là đào tạo nên đội ngũ lao động trong tương lai có chất lượng cao đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu phát triển của đất nước, chuyển đổi cách đào tạo làm cho người học thụ động sang chủ động sáng tạo, không ngại đương đầu với những khó khăn và thách thức.

Thứ hai, Nhà nước cần tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện khung hành lang pháp lí tạo ra môi trường thuận lợi để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, ưu tiên các cơ chế khuyến khích phát triển thị trường nguồn nhân lực có chất lượng cao; thị trường sản phẩm khoa học công nghệ cần phản ánh đầy đủ quan hệ cung - cầu, qua đó làm căn cứ cụ thể để hoạch định chiến lược và chính sách.

Thứ ba, các cơ sở, hệ thống GD cần tập trung xây dựng mô hình GD 4.0 để theo kịp với xu hướng phát triển công nghệ hiện đại trong nền kinh tế 4.0 hiện nay.

Thứ tư, các cơ sở đào tạo GD trung học phổ thông cần quan tâm, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lí GD, GV có năng lực trình độ giỏi; từng bước đổi mới cơ chế quản lí đào tạo, chú trọng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trong đó việc xây dựng đội ngũ GV là khâu then chốt.

2.3.3. Yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông

Theo Văn kiện Nghị quyết của hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đề cập đến vấn đề Đổi mới căn bản và toàn diện GD - đào tạo là “Đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; Đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở GD và đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; Đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học”. Trong những vấn đề mang tính cốt lõi, nổi bật và cấp thiết được trình bày, việc đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo và cán bộ quản lí GD cần phải được thực hiện đi trước một bước.

Chương trình GD phổ thông mới sẽ được triển khai theo hướng chuyển đổi từ cách tiếp cận nội dung đào tạo sang hướng phát triển phẩm chất, kỹ năng và năng lực, tạo tiền đề cho công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD phổ thông. Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GD phổ thông đã đặt ra yêu cầu: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GD phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GD phổ thông, kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp góp phần chuyển sang nền GD phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS”.

Theo tinh thần Nghị quyết số 29 - NQ/TW: “Bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng”, việc đổi mới quản trị các cơ sở GD, các trường phổ thông cũng đứng trước những thách thức như sau: 1/ Xây dựng hệ thống giải pháp quản lý đồng bộ ảnh hưởng đến các thành phần, yếu tố cơ bản của nhà trường: Cán bộ quản lý GD và GV cần nắm vững quan điểm, mục tiêu, nội dung, phương pháp đổi mới chương trình GD, nâng cao năng lực GV đồng thời đổi mới mô hình tổ chức hoạt động trong bộ máy quản lý và trong nhà trường; 2/ Xác định, phân chia rõ ràng công tác quản lý nhà nước với việc quản trị của cơ sở GD và đào tạo theo hướng chuyển dần vai trò từ chỉ đạo, kiểm soát chặt chẽ sang giao quyền, hỗ trợ và giám sát.

2.4. Một số giải pháp nâng cao năng lực quản trị trường học, phát triển hệ thống, cải thiện chất lượng giáo dục phổ thông ở nước ta trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0

2.4.1. Xây dựng chiến lược, tầm nhìn và hành động của giáo dục phổ thông quốc gia

Từ bối cảnh và thực trạng đang diễn ra hiện nay, hệ thống GD phổ thông ở nước ta cần xây dựng một chiến lược với tầm nhìn, triết lý cùng với chương trình hành động phù hợp, khả thi nhằm đáp ứng được những yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội trong thời đại mới. Để thực hiện việc xây dựng chiến lược để phát triển hệ thống GD phổ thông cần được thực hiện theo một quy trình mang tính khoa học được những điều đó, cần phải làm rõ và tháo gỡ 3 “nút thắt” và 5 “chốt” của hệ thống GD phổ thông hiện nay. 3 “nút thắt” đó là: Đổi mới tư duy; cơ chế quản lý GD trong bối cảnh hiện nay; và nguồn lực để phát triển. 5 “chốt” đó là: Chương trình GD địa phương, chương trình nhà trường; đội ngũ cán bộ quản lý, GV đòi hỏi đáp ứng được những yêu cầu mới; mô hình nhà trường phổ thông mới, trường phổ thông tiên tiến; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho yêu cầu mới; mô hình phân cấp quản lý GD.

Triết lý: Xây dựng hệ thống GD toàn diện, khơi dậy niềm đam mê, tạo sự hứng khởi trong học tập và hướng đến sự thành đạt của HS.

Đối với GV: Cần quán triệt phương pháp GD HS dựa trên nguyên tắc GD bằng tất cả tình cảm và lòng yêu thương.

Tầm nhìn: Hình thành hệ thống quản trị cơ sở GD tại bậc học phổ thông của nước ta vững mạnh, có khả năng đáp ứng được hiệu quả nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao

đóng góp cho nền kinh tế tri thức, góp phần thúc đẩy năng lực cạnh tranh và sự thịnh vượng quốc gia.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Cần cù, năng động, sáng tạo, có tinh thần hợp tác, tác phong công nghiệp, đương đầu với thử thách, chấp nhận sự đa dạng văn hóa. Xây dựng mô hình xã hội học tập với bản chất và cách làm mới, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tri thức, hình thành nên sự tiến bộ xã hội.

Do vậy, cần thực hiện và xây dựng 10 chương trình, đề án cụ thể như sau: 1/ Chiến lược quy hoạch, phát triển hệ thống GD phổ thông quốc gia trong thời kỳ mới; 2/ Chú trọng phát triển chương trình địa phương, chương trình nhà trường; 3/ Đổi mới chương trình tăng cường năng lực ngoại ngữ và tin học cho HS phổ thông; 4/ Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ GV và cán bộ quản lý GD đáp ứng được những yêu cầu của đổi mới GD, CMCN 4.0; 5/ Cơ chế phân cấp và đổi mới quản lý GD bậc học phổ thông; 6/ Đẩy mạnh chương trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng khởi nghiệp trong GD phổ thông; 7/ Xây dựng và phát triển mô hình trường học tiên tiến tiếp cận chuẩn khu vực và thế giới; 8/ Xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường; 9/ Nghiên cứu phân luồng và định hướng nghề nghiệp trong GD phổ thông quốc gia; 10/ Xây dựng mô hình hợp tác, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc phát triển GD toàn diện HS phổ thông.

2.4.2. Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở giáo dục phổ thông quốc gia

Quy hoạch phát triển GD là bản luận chứng khoa học trình bày quan điểm, mục tiêu, phương hướng, giải pháp để phát triển và phân bổ hệ thống GD, trong đó đặc biệt chỉ rõ những yêu cầu để nâng cao chất lượng GD, đào tạo; xây dựng chính sách phát triển đội ngũ cán bộ quản lý GD, lực lượng GV có năng lực và phân bổ hệ thống GD theo các bước đi hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc phát triển toàn diện con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cũng như của từng địa phương. Quy hoạch phát triển GD, đào tạo bao gồm nhiều nội dung, trong đó chủ yếu bao gồm: Ngành GD cần tham mưu cho Chính phủ quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo GD phổ thông phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng và văn hóa truyền thống của từng địa phương nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng đổi mới GD; Quy hoạch phát triển mô hình trường học tiên tiến, chất lượng cao dần tiếp cận với chuẩn quốc tế; Quy hoạch đội ngũ GV và cán bộ quản lý GD, chú trọng đối tượng cán bộ quản lý chủ chốt; Quy hoạch chuyên môn; Quy hoạch khoa học sư phạm và khởi nghiệp. Để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch được khoa học và khả thi cần tiến hành các công tác sau: Thống kê, dự báo, phân tích nhu cầu về nguồn nhân lực, quy mô dân số, nhu cầu học tập, nghiên cứu, các chiến lược định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

2.4.3. Phân cấp và đổi mới cơ chế quản lý giáo dục

Việc phân cấp quản lý GD và quản lý nhà nước về GD có

mối quan hệ mật thiết, tác động lẫn nhau. Về bản chất, phân cấp trong quản lý GD là một hình thức cải cách quản lý nhà nước về GD theo hướng dịch chuyển, trao quyền ra quyết định cho các cấp thấp hơn, cho nhà trường và cộng đồng; đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, gắn với trách nhiệm; giảm dần sự can thiệp của cơ quan chủ quản vào các hoạt động đào tạo trong quản trị nhà trường.

Vì vậy, việc đổi mới quản lý GD cần được gắn liền với phân cấp quản lý GD. Tổ chức phân cấp quản lý mạnh mẽ cho các nhà trường dựa trên nguyên tắc tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình. Bổ sung cơ chế, chính sách để các cơ quan quản lý GD các cấp được tham gia quyết định trong quản lý nhân sự và quản lý các nguồn tài chính dành cho GD. Tăng cường quản lý nhà nước về công tác thanh tra GD. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện việc công khai đối với các nhà trường; giám sát chặt chẽ việc quản lý thu – chi tại các trường, xử lý nghiêm các vi phạm xảy ra. Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý GD. Quản lý chất lượng đầu ra; quản lý quy trình GD và xây dựng mô hình chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng. Thiết lập cụm trường phổ thông. Phát triển mô hình xã hội học tập, học tập suốt đời. Phát triển mô hình quản lý GD dựa vào nhà trường với mục tiêu: Gia tăng cơ hội học tập và tiếp cận nền GD chất lượng cao cho HS; tăng quyền lựa chọn cho HS trong hệ thống các trường công lập; khuyến khích sự sáng tạo của GV và HS trong giảng dạy và học tập; khuyến khích cộng đồng tham gia vào sự nghiệp GD và tạo ra động lực cạnh tranh lành mạnh để cải tiến, nâng cao hệ thống GD phổ thông công lập.

2.4.4. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng đổi mới giáo dục và Cách mạng Công nghiệp 4.0

Có thể xây dựng 5 giải pháp để phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý GD cụ thể như sau: 1/ Đổi mới, hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý GD và GV; 2/ Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, sử dụng cán bộ quản lý GD và GV; 3/ Xây dựng bộ tiêu chuẩn cụ thể, chi tiết, rõ ràng để làm căn cứ cho việc đánh giá, phân loại, sàng lọc cán bộ quản lý GD và GV; 4/ Xây dựng chương trình bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý GD và GV; 5/ Phát triển các chính sách ưu tiên, đặc thù địa phương, xây dựng môi trường, tạo động lực làm việc cho cán bộ quản lý GD và GV.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý là trang bị kiến thức, truyền thụ kinh nghiệm, xây dựng các kỹ năng, hình thành nên phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, tạo ra năng lực triển khai hành động mới tương ứng cho mỗi người. Bồi dưỡng còn là hoạt động nhằm khắc phục những mặt hạn chế, thiếu sót và phát huy những mặt tích cực, bù đắp những thiếu hụt, khiếm khuyết của mỗi cán bộ quản lý GV giúp họ đáp ứng được yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ mới. Chất lượng của đội ngũ cán bộ được hình thành có thể do nhiều nhân tố tác động, trong đó phần lớn là thông qua con đường GD, đào tạo và bồi dưỡng.

2.4.5. Mô hình nhà trường mới và phát triển trường phổ thông tiên tiến tiếp cận chuẩn quốc tế

a. Mô hình nhà trường phổ thông mới

Trong bối cảnh phải đổi mới GD hiện nay, việc xây dựng mô hình nhà trường phổ thông mới được đánh giá là cần thiết phải thực hiện. Nhà trường phổ thông mới là mô hình nhà trường không còn cung cách hoạt động, làm việc quan liêu, hành chính trong tổ chức và điều hành để trở thành một nhà trường biết học hỏi, chịu đổi mới, sáng tạo; là một tổ chức học tập năng động, gắn kết chặt chẽ với những thực tiễn đang xảy ra trong xã hội, chủ động đáp ứng những yêu cầu từ đổi mới GD và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh mới. Nhà trường phổ thông là mô hình nhà trường mở, trong đó gắn kết chặt chẽ với gia đình HS và cộng đồng; phát triển toàn diện HS về phẩm chất, năng lực và có đủ điều kiện để thực hiện hiệu quả công tác GD toàn diện; đảm bảo sự dân chủ, hợp tác, nuôi dưỡng và khuyến khích sự sáng tạo của GV, HS.

Các thành tố cấu trúc cơ bản của nhà trường phổ thông mới, bao gồm: 1/ Mục tiêu, định hướng của nhà trường; 2/ Quản lý hoạt động của nhà trường; 3/ Nội dung GD trong nhà trường; 4/ Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động GD trong nhà trường; 5/ Thời lượng học tập; 6/ Đội ngũ cán bộ quản lý và GV của nhà trường; 7/ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy học trong nhà trường; 8/ Môi trường GD dân chủ, thân thiện.

b. Phát triển trường phổ thông tiên tiến tiếp cận chuẩn quốc tế

Trước bối cảnh CMCN 4.0, để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới GD, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của người học và thực hiện các hiệu quả xã hội hóa GD, tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng cho nhà trường phổ thông, cần xây dựng mô hình nhà trường tiên tiến, chất lượng cao, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế: Với mục tiêu đáp ứng tốt nhu cầu học tập của HS và yêu cầu của xã hội; Tiếp cận với sự phát triển GD của các nước trong khu vực và trên thế giới; Đào tạo ra những HS năng động, có năng lực sáng tạo, thực hành, ngoại ngữ và tin học; Đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước; Đẩy mạnh công tác xã hội hóa một số loại hình dịch vụ GD sự nghiệp công. Về tiêu chí trường tiên tiến, cần thiết lập bộ tiêu chuẩn với 5 tiêu chí sau: 1/ Công tác tổ chức và quản lý nhà trường; 2/ Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý, GV và nhân viên; 3/ Chất lượng GD, đào tạo của nhà trường; 4/ Tình hình tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; 5/ Môi trường GD trong nhà trường; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

3. Kết luận

Sự tác động mạnh mẽ của cuộc CMCN 4.0 đang ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có GD nói chung và GD trung học phổ thông nói riêng. GD là con đường căn bản để chấn hưng quốc gia, là nền tảng của sự tiến bộ xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thúc đẩy con người phát triển toàn diện. Ưu

tiên phát triển GD, nâng cao trình độ, hiện đại hóa nền GD có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Trong bối cảnh khoa học, công nghệ không ngừng phát triển như hiện nay, việc thay đổi tư duy, đổi mới GD đang ngày càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Ngành GD Việt Nam cần xây dựng chiến lược, lộ trình phù hợp, đảm bảo dần tiếp cận chuẩn quốc tế. Tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản, then chốt trong đổi mới GD phổ thông như: Quy hoạch, phát triển hệ thống cơ sở GD phổ thông; Phát

triển năng lực, trình độ của đội ngũ GV và cán bộ quản lý GD; Xây dựng mô hình nhà trường mới và phát triển trường phổ thông tiên tiến theo hướng tiếp cận với chuẩn quốc tế; Tiến hành phân cấp và đổi mới cơ chế quản lý GD; Đổi mới mô hình GD phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc GD toàn diện HS phổ thông đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập suốt đời và khả năng phát triển lâu dài của người học. Hiệu quả từ những vấn đề này sẽ tạo ra sự khác biệt cho tương lai của thế hệ trẻ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1] A. Abdelrazeq - D. Janssen - C. Tummel - A. Richert - S. Jeschke, (2016), *Teacher 4.0: Requirements of the teacher of the future in context of the fourth industrial revolution*, ICERI 2016.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013), *Văn kiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám*, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng.

[3] FICCI, (2017), *Leapfrogging to Education 4.0: Student at the core, FICCI-EY Future of Skills and Jobs in India Report*.

[4] Hecklau - F. – Galeitzke - M. – Flachs - S. & Kohl, H, (2016), *Holistic approach for human resource management in Industry 4.0*, *Procedia Cirp*, 54, 1-6.

[5] K. Schwab, (2016), *The Fourth Industrial Revolution: what it means, how to respond* <https://www.weforum.org/agenda/2016/01/the-fourth-industrial-revolution-what-it-means-and-how-to-respond/>.

[6] K. Schwab, (2017), *The Fourth Industrial Revolution*, Crown Business Publisher.

[7] Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.

[8] Trần Khánh Đức, (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[9] WEF, (2016), *The Future of Kobs Employment, Skills and Workforce strategy for Fourth Industrial Revolution Executive Summary*.

SCHOOL MANAGEMENT TO MEET REQUYREMENTS OF GENERAL EDUCATION REFORM, USING KNOWLEDGE OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

Nguyen Thi Huong

University of Education -
Vietnam National University, Hanoi
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
Email: nguyenthuong@vnu.edu.vn

ABSTRACT: *The Fourth Industrial Revolution, which is revolution based on the development trend of a highly integrated platform of digital connectivity and information technology, has brought many opportunities for Vietnam in socio-economic development in general and the education in particular. To take the advantages of this trend, the education of Vietnam must change comprehensively and fundamentally, including school administration. The article discusses the school administration in order to meet the requyremets of general education innovation during the Fourth Industrial Revolution era. The article presents an overview of education in the current period; explore the challenges to the Vietnamese general education system in the Fourth Industrial Revolution era. Also, the article suggests some recommendations to develop the school administration system with aim to meet the requirement of general education innovation in current period.*

KEYWORDS: School administration; general education innovation; The Fourth Industrial Revolution.